TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13- P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11/02/2026
V/v: ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Duy Tỏi, Bà Đoàn Thị Chuyền

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 13- P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 13- P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 211/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03B/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị K, sinh ngày 29/8/1991.

Số CCCD: 030191013059.

HKTT: Xóm C, thôn H, xã A, Thành phố P.

Chỗ ở: Xóm 3, thôn B, xã K, Thành phố P.

- *Bị đơn*: Anh Phùng Văn Q, sinh ngày 14/01/1990.

Số CCCD: 030090024820.

Nơi cư trú: Xóm C, thôn H, xã A, Thành phố P.

(Chị K vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Q vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị K trình bày:

Chị và anh Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phong, huyện Ninh Giang (nay là UBND xã A, thành phố P) vào ngày 17/3/2015. Trước khi kết hôn với anh Q, chị đã từng có một đời chồng và đã ly hôn.

Sau khi lấy nhau, chị về chung sống tại gia đình chồng ở xóm C, thôn H, xã A, TP P. Quá trình chung sống, vợ chồng không được vui vẻ hạnh phúc vì anh Q thường xuyên uống rượu, chửi mắng vợ con, không hài lòng điều gì là

đánh đập vợ, dẫn đến cuộc sống rất căng thẳng mệt mỏi, cuộc sống của chị rơi vào trạng thái lo sợ, bất an. Bản thân chị và gia đình Nều lần K bảo anh Q thay đổi tính nết nhưng đều không có kết quả, anh Q không tiếp thu mà còn đổ lỗi, xúc phạm vợ và gia đình vợ. Anh Q là người rất nóng tính, hay dùng vũ lực, nên cuộc sống gia đình lúc nào cũng mệt mỏi. Thời gian đầu chị vì thương các con nên cứ cố chịu đựng nhẫn nhịn, tiếp tục ở lại nhà chồng làm ăn nuôi con. Tuy Nên, đến cuối năm 2024 vợ chồng đánh cãi chửi nhau nên chị đưa hai con về nhà ngoại ở. Anh chị đã sống ly thân hơn 01 năm nay, không còn duy trì quan hệ vợ chồng. Từ sau khi chị đưa hai con bỏ về nhà ngoại, anh Q không đến tìm vợ con về, bỏ mặc không quan tâm. Tháng 9/2025 chị đã từng làm đơn xin ly hôn anh Q nhưng được K bảo chị rút đơn về, Toà án nhân dân Khu vực 13- P đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy Nên, sau đó anh Q không thay đổi, vợ chồng không quay lại chung sống với nhau ngày nào, vẫn tiếp tục ly thân đến nay không có biện pháp hàn gắn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Q.

Chị và anh Q có hai con chung là cháu Phùng Hữu Đ, sinh ngày 05/12/2015 và Phùng Thảo N, sinh ngày 15/4/2020. Hiện các con đang ở cùng với mẹ. Mẹ con chị ở cùng nhà với ông bà ngoại, có nơi ở rộng rãi, bố mẹ chị hỗ trợ chị trông nom, chăm sóc các con. Hàng ngày chị đi làm công ty, có thu nhập ổn định, sáng đi tối về.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân Khu vực 13- P đã tiến hành cấp, tống đạt hợp lệ, niêm yết văn bản tố tụng cho anh Phùng Văn Q theo quy định pháp luật. Tuy Nên, anh Q không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi cho Toà án, không đến Toà làm việc. Phòng quản lý xuất nhập cảnh cung cấp thông tin anh Q không có thông tin xuất nhập cảnh.

Toà án đã đến gia đình anh Q, gặp và làm việc với mẹ đẻ anh Q là bà Nguyễn Thị Thân để giao văn bản tố tụng, lấy lời khai. Bà Nguyễn Thị Thân trình bày: Trước khi lấy nhau, chị K đã có một đời chồng và có con riêng, còn anh Q là trai chưa vợ. Anh Q, chị K được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và chung sống tại gia đình bà vào tháng 3/2015. Quá trình chung sống, bà thấy chị K thể hiện là người không thật thà, nói năng thô tục, chửi mắng mẹ chồng, thậm chí còn đưa trai ngoài xã hội về nhà lăng nhăng. Chị K còn lấy trộm tiền của bà tiêu pha việc gì bà không rõ, bà đòi cũng không được. Chị K còn vay tiền của em gái anh Q tự ý tiêu pha giờ đòi không trả. Đến năm 2020 do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau nên chị K đã đưa con bỏ về nhà mẹ đẻ, từ đó đến nay không quay về nhà chồng. Nay chị K xin ly hôn anh Q, gia đình bà hoàn toàn nhất trí để anh chị ấy ly hôn, bà không chấp nhận người con dâu như chị K. Trước đây anh Q ở nhà làm nghề mổ lợn, bán thịt nhưng mấy năm qua anh Q đi làm tự do thỉnh thoảng về nhà. Gia đình bà không biết địa chỉ cụ thể nơi ở, nơi làm việc của anh Q.

Xác minh tại thôn H, xã A, thành phố P, địa phương cho biết: Sau khi kết hôn, anh Q chị K chung sống tại nhà bà Nguyễn Thị Thân. Cuộc sống hôn nhân của anh chị ấy xảy ra mâu thuẫn nên đến năm 2020 chị K đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, đến nay vợ chồng vẫn không quay về đoàn tụ. Anh Q sống cùng nhà với mẹ đẻ là bà Thân. Tuy Nên, anh Q đi làm ăn tự do, thỉnh thoảng vẫn thấy về nhà vài hôm lại đi. Địa phương không biết anh Q làm gì, ở đâu.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P phát biểu ý kiến: Xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01 ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị K ly hôn anh Phùng Văn Q.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Phùng Hữu Đ, sinh ngày 05/12/2015 và cháu Phùng Thảo N sinh ngày 15/4/2020 cho chị Đỗ Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi. Anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị K chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định, đối trừ với tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, biên lai số 0003572 ngày 13/10/2025. Chị K đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Đỗ Thị K yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 13- P giải quyết ly hôn với anh Phùng Văn Q, đăng ký thường trú tại Xóm C, thôn H, xã A, thành phố P. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13- P. Xác định quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị K và anh Phùng Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã Tân Phong, huyện Ninh Giang (nay là UBND xã A, TP P) ngày 17/3/2015, nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị K và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên đánh cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân nhau hơn 01 năm nay, không quan tâm nhau, không có biện pháp hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Q nhưng anh không đến Toà án trình bày ý kiến. Khi Toà án tiến hành hòa giải, anh Q không tham gia, chứng tỏ anh không mong muốn và không thiện chí tích cực hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy anh chị không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc nhau, đến nay anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị K được ly hôn anh Q là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Phùng Hữu Đ, sinh ngày 05/12/2015 và Phùng Thảo N, sinh ngày 15/4/2020. Hiện các con đang ở cùng với chị K. Ly hôn, chị K xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Cháu Đ có nguyện vọng xin ở với mẹ. Chị K có công việc, thu nhập và nơi ở ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Mặt khác, hiện nay anh Q đi làm tự do xa nhà thỉnh thoảng mới về, anh không trình bày ý kiến của mình về việc nuôi con. Do đó, cần giao hai con chung cho chị K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi hai con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử cho chị Đỗ Thị K được ly hôn anh Phùng Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Phùng Hữu Đ, sinh ngày 05/12/2015 và Phùng Thảo N, sinh ngày 15/4/2020 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Anh Phùng Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố P theo biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0003572 ngày 13 tháng 10 năm 2025. Chị K đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 13- P;
- Phòng THADS Khu vực 13- P;
- Các đương sự;
- UBND xã A - TP P (Giấy CNKH số 28 do UBND xã Tân Phong cấp ngày 17/3/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhàn